

Số: 02 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 02 tháng 01 năm 2022

**BÁO CÁO****Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19**  
**(Từ 16h00 ngày 01/01/2022 đến 16h00 ngày 02/01/2022)**

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

**I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới**

Tổng số ca mắc tới nay hơn 289,7 triệu ca, hơn 5,4 triệu ca tử vong. So với tuần trước, trong tuần thế giới ghi nhận thêm hơn 9,1 triệu ca mắc mới (tăng 58%), số ca tử vong ghi nhận hơn 41.000 ca (giảm 7%).

Tính đến ngày 1/1/2022, số ca ở châu Âu đã vượt hơn 100 triệu ca, chiếm hơn 1/3 số ca nhiễm của cả thế giới. Trong đó, chỉ riêng 7 ngày qua, châu Âu có thêm hơn 4,9 triệu ca, với 17 trong số 52 quốc gia ở khu vực ghi nhận số ca nhiễm mới cao nhất từ khi có đại dịch. Riêng Pháp ghi nhận hơn một triệu ca mới trong tuần qua, tương đương 10% tổng số ca mắc kể từ đầu dịch ở nước này. Mặc dù số ca nhiễm tăng cao nhưng tỷ lệ tử vong ở châu Âu đang có xu hướng giảm; trong tuần qua, trung bình mỗi ngày, châu Âu ghi nhận hơn 3.400 ca tử vong; trước đó, tháng 1 năm ngoái, trung bình mỗi ngày châu Âu có hơn 5.700 ca tử vong.

**II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam**

Tính đến 16h00 ngày 02/01/2022, cả nước ghi nhận 1.763.040 ca mắc, trong đó 1.758.824 ca trong nước. Đến nay đã có 1.372.696 người khỏi bệnh, 32.610 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 1.760.188 ca, trong đó có 1.757.254 ca trong nước (99,8%), 1.369.879 người đã khỏi bệnh (77,8%), 32.575 tử vong tại 51 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

**III. Tình hình dịch trong ngày****1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 16.948 ca mắc mới, trong đó 16.914 ca ghi nhận trong nước (tăng 2.092 ca so với ngày trước đó) tại 63 tỉnh, thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hà Nội (2.045), Hải Phòng (1.804), Vĩnh Long (1.280), Tây Ninh (946), Bình Phước (782), Khánh Hòa (780), Cà Mau (619), Bình Định (576), Hải Dương (545), Bạc Liêu (464), Trà Vinh (452), Bắc Ninh (403), Hồ Chí Minh (384), Thừa Thiên Huế (350), Cần Thơ (293), Lâm Đồng (240), An Giang (235), Hưng Yên (223), Quảng Ninh (219), Đà Nẵng (202), Đắk Lắk (185), Hậu Giang (184), Sóc Trăng (171), Kiên Giang (169), Nghệ An (162), Hà Giang (148), Hòa Bình (147), Gia Lai (146), Bình Dương (145), Quảng Trị (143), Lạng Sơn (141), Đồng Tháp (140), Đồng Nai (139), Quảng Nam (127), Bến Tre (120), Phú Yên (119), Thanh Hóa (117), Tiền Giang (115), Quảng Ngãi (112), Đắk Nông (105), Ninh Bình

(99), Nam Định (93), Vĩnh Phúc (92), Bắc Giang (90), Hà Nam (85), Thái Nguyên (80), Bà Rịa - Vũng Tàu (72), Thái Bình (69), Phú Thọ (65), Quảng Bình (55), Kon Tum (54), Long An (51), Sơn La (50), Ninh Thuận (49), Cao Bằng (46), Lào Cai (41), Bắc Kạn (39), Tuyên Quang (24), Bình Thuận (22), Điện Biên (21), Yên Bái (20), Lai Châu (11), Hà Tĩnh (9).

+ Có 34 ca nhập cảnh ghi nhận tại Hồ Chí Minh (11), Điện Biên (5), Nghệ An (5), Khánh Hòa (5), Quảng Trị (4), Tây Ninh (3), Long An (1).

- TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 2.045 ca mắc, trong đó 349 ca sàng lọc tại cơ sở y tế, 1.111 ca tầm soát trong cộng đồng, 553 ca trong khu cách ly và 32 ca trong khu phong tỏa. Số mắc mới (2.045 ca) được phân bố tại 29 quận, huyện như sau: Thanh Xuân 201, Thanh Trì 198, Hoàng Mai 192, Nam Từ Liêm 172, Đông Anh 172, Tây Hồ 141, Cầu Giấy 126, Ba Đình 123, Hoàn Kiếm 99, Bắc Từ Liêm 85, Gia Lâm 82, Hà Đông 62, Sóc Sơn 62, Thường Tín 55, Đống Đa 47, Đan Phượng 40, Long Biên 36, Sơn Tây 25, Mê Linh 23, Hai Bà Trưng 19, Hoài Đức 18, Thanh Oai 16, Thạch Thất 15, Quốc Oai 15, Chương Mỹ 13, Phúc Thọ 2, Mỹ Đức 1, Ba Vì 1, Ứng Hòa 1 và 3 ca đang điều tra.

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày giảm nhiều so với ngày trước: Đồng Tháp (giảm 265), Bình Thuận (giảm 189), Hồ Chí Minh (giảm 185).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày tăng so với ngày trước: Hải Phòng (tăng 1.688), Hải Dương (tăng 545), Hà Nội (tăng 297).

## **2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng**

- Cả nước ghi nhận 11.948 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 70,6% tổng số mắc trong ngày), tăng 2.320 ca so với ngày trước đó.

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 1.460 ca cộng đồng (tăng 623 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 49.631 ca.

+ TP. Đà Nẵng: Trong ngày ghi nhận 166 ca cộng đồng (tăng 19 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 11.579 ca.

+ Tỉnh Bình Dương: Trong ngày ghi nhận 128 ca cộng đồng (tăng 75 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 290.921 ca.

+ Tỉnh Kiên Giang: Trong ngày ghi nhận 58 ca cộng đồng (giảm 31 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 30.282 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: TP. Hải Phòng tăng 2.880 ca, Bình Phước tăng 2.584 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: Cà Mau (giảm 3.755 ca), Bến Tre (giảm 2.118 ca), TP. Hồ Chí Minh (giảm 1.234 ca).

## **3. Kết quả giám sát điều trị**

Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 1.369.879 người đã khỏi bệnh (77,8%), tăng 14.420 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 357.734 trường hợp, trong đó có 6.746 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 4.771; (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 988; (3) Thở máy không xâm lấn: 148; (4) Thở máy xâm lấn: 815; (5) EMO: 24.

Trong ngày 01/01, ghi nhận 216 trường hợp tử vong (giảm 10 trường hợp so với ngày trước đó), gồm:

+ Tại TP. Hồ Chí Minh (33) trong đó có 6 ca từ các tỉnh chuyển đến như sau: Bình Dương (1), Long An (1), Cà Mau (1), Cần Thơ (1), Trà Vinh (1), Bà Rịa - Vũng Tàu (1).

+ Tại các tỉnh, thành phố khác: Đồng Nai (26), Vĩnh Long (16), Bà Rịa - Vũng Tàu (15), Bến Tre (14), Cần Thơ (14), Kiên Giang (13), Sóc Trăng (12), Đồng Tháp (12), Tây Ninh (11), An Giang (10), Tiền Giang (9), Bình Dương (7), Trà Vinh (5), Cà Mau (5), Bình Thuận (3), Bình Định (2), Khánh Hoà (2), Bình Phước (2), Long An (2), Bạc Liêu (2), Đà Nẵng (1).

#### **IV. Công tác chỉ đạo, điều hành**

- Xây dựng báo cáo của Chính phủ gửi đại biểu Quốc hội tại kỳ họp bất thường của Quốc hội Khóa XV về tình hình phòng, chống dịch bệnh COVID-19, nhất là việc ứng phó với biến thể mới Omicron, việc xử lý phòng chống các biểu hiện tiêu cực trong công tác phòng, chống dịch.

- Tăng cường thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân hiểu về chiến lược thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 trong tình hình mới; không mặc cảm, kỳ thị những người nhiễm hoặc nghi nhiễm COVID-19; người dân về từ các địa bàn có nguy cơ chủ động khai báo với cơ quan y tế địa phương để được hướng dẫn theo dõi sức khỏe, lấy mẫu xét nghiệm và áp dụng các biện pháp phòng bệnh theo quy định.

- Bộ Y tế tiếp tục chủ động bám sát diễn biến tình hình dịch do chủng mới Omicron gây ra; thường xuyên trao đổi với Tổ chức Y tế thế giới để cập nhật thông tin, kịp thời, chính xác về biến chủng này; Chỉ đạo các địa phương tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch; đặc biệt công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng, chống dịch.

#### **V. Công tác xét nghiệm:**

Tính đến ngày 01/01/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 36.142.059 mẫu cho 78.832.549 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 30.497.557 mẫu tương đương 75.084.610 lượt người, tăng 83.487 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.701.576 mẫu gộp cho 47.375.052 lượt người.

#### **VI. Công tác tiêm chủng:**

1. Từ tháng 3/2021 đến hết ngày 01/01/2022, Việt Nam đã tiếp nhận 192.002.218 liều, cụ thể:

\* Theo loại vắc xin:

- + Vắc xin AstraZeneca: 59.707.680 liều
- + Vắc xin Pfizer và Moderna: 76.874.340 liều
- + Vắc xin Sinopharm: 48.761.200 liều
- + Vắc xin Abdala: 5.150.000 liều
- + Sputnik V: 1.508.998 liều

\* Theo nguồn vắc xin:

- Nguồn Ngân sách nhà nước: 96.919.280 liều
- + 30.000.000/30.000.000 liều vắc xin mua của AstraZeneca.
- + 41.519.280/51.000.000 liều vắc xin mua của PfiZer.
- + 20.000.000 /20.000.000 liều vắc xin mua của Sinopharm
- + 5.000.000 /5.000.000 liều vắc xin Abdala mua của Cuba.
- + 400.000 liều vắc xin AstraZeneca mua của Chính phủ Hungary.

Trong tổng số 192 triệu liều vắc xin phòng COVID-19 đã tiếp nhận, Bộ Y tế đã phân bổ 113 đợt với tổng số 176,8 triệu liều, còn khoảng 15,2 triệu liều mới tiếp nhận, đang tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin.

## 2. Kết quả tiêm chủng

Đến hết ngày 01/01/2022, cả nước đã tiêm 152.818.575 liều (trong ngày tiêm được 592.352 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 86,4% số vắc xin phân bổ 113 đợt.

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 140.008.471 liều, trong đó có 70.027.320 mũi 1; 63.944.871 mũi 2; 1.206.220 mũi 3 (đôi với vắc xin Abdala ); 1.689.360 liều bổ sung và 3.140.700 liều nhắc lại. Tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều vắc xin là 99,6% và tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản là 90,9% dân số từ 18 tuổi trở lên. Theo khu vực, tỷ lệ này lần lượt ở miền Bắc là 96,5% và 88,3%; miền Trung là 96,6% và 88,7%; Tây Nguyên là 98,1% và 85,8%; miền Nam là 100% và 92,9%.

Tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều cho dân số từ 18 tuổi trở lên:

+ 44/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ trên 95%

+ 11/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ từ 90-95%

+ 08/63 tỉnh, thành phố còn lại có tỷ lệ bao phủ dưới 90% là Nam Định (88,7%), Hưng Yên (87,2%), Hà Tĩnh (89,0%), Lai Châu (89,1%), Cao Bằng (89,6%), Quảng Bình (85,8%), Tây Ninh (88,7%) và Cà Mau (88,6%).

Tỷ lệ bao phủ đủ liều vắc xin cho dân số từ 18 tuổi trở lên:

+ 31/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ trên 90%

+ 26/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ đủ 02 liều từ 80 – dưới 90% ;

+ 06/63 tỉnh, thành phố còn lại có tỷ lệ bao phủ đủ 02 liều dưới 80% là Hải Dương (77,1%), Hà Tĩnh (77,1%), Cao Bằng (77,8%), Sơn La (74,3%), Trà Vinh (78,5%) và Bình Dương (78,9%).

- Về triển khai tiêm chủng cho đối tượng từ 12-17 tuổi: Các tỉnh, thành phố đã triển khai tiêm 12.810.104 liều, trong đó có 7.689.216 mũi 1 và 5.120.888 mũi 2. Tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều vắc xin là 85,6% và tỷ lệ bao phủ đủ liều cơ bản là 57,0% dân số từ 12 -17 tuổi. Theo khu vực, tỷ lệ này lần lượt ở miền Bắc là 82,3% và 49,4%; miền Trung là 76,9% và 38,7%, Tây Nguyên là 92,2% và 27,8%, Miền Nam là 91,6% và 77,1%.

22 tỉnh thành, phố đã cơ bản bao phủ đủ liều cơ bản cho nhóm tuổi này là Hà Nam, Ninh Bình, Bắc Ninh, Hưng Yên, Quảng Ninh, Hòa Bình, Lạng Sơn, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Ninh Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Long An, Tây Ninh, An Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bình Dương, Bạc Liêu, Hậu Giang.

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

**VII. Công tác truy vết:** Từ ngày 27/4 đến ngày 01/01/2022, cả nước đã truy vết được 1.394.565 trường hợp F1, trong đó có 1.047.560 trường hợp đã được xét nghiệm.

**VIII. Hoạt động của các Bộ, ngành:** chi tiết tại Phụ lục 4.

## IX. Nhận định

Tình hình dịch cơ bản được kiểm soát trên phạm vi toàn quốc. Trong ngày, số ca mắc cộng đồng tăng hơn 2.300 ca so với ngày hôm trước tại 34 tỉnh, thành phố. Một số nguyên nhân cơ bản gia tăng ca nhiễm trong thời gian qua như sau: (1) Sau khi thực hiện Nghị quyết 128 các hoạt động xã hội trở lại bình thường, người dân giao lưu đi lại bình thường; (2) Mầm bệnh đã lưu hành trong cộng đồng; (3) Biến thể Delta với tốc độ lây lan nhanh, biến thể Omicron đã ghi nhận ở nước ta và có nguy cơ lây lan rộng trong cộng đồng; (4) Có tâm lý chủ quan, không thực hiện quy định về phòng, chống dịch 5K, đặc biệt là việc không đeo khẩu trang nơi công cộng; (5) Những người tiêm vắc xin giai đoạn đầu miễn dịch sau tiêm sẽ giảm dần theo thời gian; đồng thời những người mới tiêm vắc xin cần có thời gian để sinh miễn dịch; (6) ca tử vong

tập trung chủ yếu ở người cao tuổi, người có bệnh nền chưa tiêm đủ vắc xin (báo cáo của các tỉnh, thành phố như TP. Hồ Chí Minh số người tử vong có bệnh nền 93%, trên 70 tuổi, phần lớn có từ 2 bệnh nền trở lên; (7) Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022 nghỉ dài, giao lưu, chúc tết, đoàn tụ gia đình; (8) Bắt đầu từ ngày 01/01/2022 mở cửa chuyến bay thương mại, du khách đi du lịch Việt Nam, người Việt từ nước ngoài về đón Tết.... nguy cơ xâm nhập biến thể Omicron trong cộng đồng.

#### **X. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới**

Thời gian tới, cần tiếp tục tăng cường các biện pháp phòng chống dịch nhất là giám sát phát hiện sớm, điều trị giảm bệnh nặng, tử vong và tiêm thể vắc xin do thời tiết chuyển mùa Đông-Xuân thuận lợi cho sự phát triển, lây lan của vi rút, gia tăng giao thương đi lại dịp Tết Nguyên đán 2022 và nguy cơ lây lan của biến thể mới; bên cạnh đó, có tâm lý chủ quan, lơ là, mất cảnh giác của một số đơn vị, người dân trong việc thực hiện quy định về phòng, chống dịch sau một thời gian dài nới lỏng giãn cách xã hội. Các địa phương cần thực hiện tốt một số nội dung sau:

1. Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, huy động cả hệ thống chính trị, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc; thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo; cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng y tế; thực hiện tốt phương châm “bốn tại chỗ” và phối hợp có hiệu quả với lực lượng tăng cường khi cần thiết; tăng cường năng lực chỉ huy, điều phối lực lượng trong trường hợp cần thiết có lực lượng tăng cường.

2. Tăng cường công tác phòng, chống dịch COVID-19, kiểm soát biến thể mới omicron của vi rút SARS-CoV-2, trong đó tập trung vào các nội dung sau:

(1) Tăng cường chỉ đạo các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng chống dịch bệnh. Tiếp tục đánh giá cấp độ dịch theo quy định tại Nghị quyết số 128/NQ-CP và hướng dẫn của Bộ Y tế nhằm có các biện pháp hành chính và chuyên môn y tế phù hợp, thích ứng linh hoạt với tình hình diễn biến phức tạp của biến thể Omicron trong giai đoạn hiện nay, phù hợp với các cấp độ dịch trên địa bàn, từng bước mở cửa cho các hoạt động đi lại, giao thương, phục hồi sản xuất đảm bảo đời sống dân sinh.

(2) Đảm bảo thực hiện đầy đủ các yêu cầu: (i) người dân phải được tiếp cận y tế từ sớm, từ xa, nâng cao năng lực y tế cơ sở, chủ động sẵn sàng về trang bị, nhân lực, thuốc điều trị, ô xy...; (ii) vắc xin là yếu tố chiến lược, quyết định cả trước mắt và dài hạn đối với công tác phòng, chống dịch; (iii) bảo đảm dinh dưỡng và chăm sóc, động viên tinh thần cho người bệnh, kết hợp đông y và tây y trong điều trị.

(3) Tuyệt đối không lơ là, chủ quan, bám sát tình hình, sớm phát hiện các thể mới xâm nhập vào Việt Nam; tăng cường xét nghiệm tầm soát với đối tượng, địa bàn có nguy cơ cao, đặc biệt chú ý công tác phòng chống dịch tại các đô thị lớn, khu công nghiệp.

(4) Tăng cường quản lý người có nguy cơ cao; thận trọng hơn nữa trong thực hiện chiến dịch tiêm vắc xin, nhất là người có bệnh nền, người trên 50 tuổi; hoàn thành tiêm mũi 2 cho người từ 12-18 tuổi trong tháng 1 năm 2022 và tiêm mũi thứ 3 cho người từ 18 tuổi trở lên trong quý I năm 2022. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện tiêm an toàn, nhanh nhất có thể; tiến hành “đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người”, tổ chức các tổ lưu động để vận động người dân và tiến hành tiêm vắc xin; không để sót ai



thuộc diện chỉ định tiêm mà không được tiêm thể đầy đủ (kể cả mũi tăng cường), đặc biệt những người thuộc nhóm nguy cơ cao; truyền thông vận động người ân chủ động, tích cực tham gia tiêm chủng an toàn và theo dõi sức khỏe sau tiêm theo hướng dẫn của ngành y tế.

(5) Chỉ đạo, hướng dẫn cho nhân viên y tế và chính quyền cơ sở để tổ chức tốt điều trị tại nhà, tại cơ sở cho người nhiễm SARS-CoV-2 có nguy cơ thấp và trung bình; tránh tình trạng dồn lên bệnh viện các tuyến gây quá tải. Rà soát, chủ động tăng cường năng lực hệ thống y tế; có kế hoạch rõ ràng với các kịch bản cụ thể, không để bị động. Tuyệt đối không để tình trạng người dân xét nghiệm có kết quả dương tính mà không tiếp cận được dịch vụ y tế, không được cấp phát thuốc, không được quản lý, theo dõi sức khỏe.

3. Thường xuyên rà soát cập nhật các cấp độ dịch bám sát với thực tế tình hình dịch, trong trường hợp cần thiết tăng cường một số biện pháp phòng chống dịch theo Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Y tế; dừng các hoạt động tập trung đông người không cần thiết trong dịp lễ tết đầu năm 2022; tuy nhiên phải đảm bảo duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng an toàn COVID-19; tăng cường quản lý việc đi lại của người dân từ các địa phương, đặc biệt là từ các địa phương có cấp độ dịch 3, 4; địa phương chủ động căn cứ tình hình dịch để nâng cấp độ dịch và có biện pháp y tế thích ứng phù hợp để thực hiện Công điện số 1745/CD-TTg ngày 19/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Truyền thông nâng cao tinh thần cảnh giác, chủ động phòng, chống dịch trong toàn xã hội trước nguy cơ tái bùng phát trên diện rộng trong điều kiện thời tiết cuối năm và biến thể Omicron; truyền thông vận động người dân chủ động, tích cực thực hiện tiêm vắc xin, không tụ tập đông người khi không cần thiết, thực hiện thông điệp 5K, và hướng dẫn cách ly, chăm sóc, theo dõi sức khỏe, điều trị tại nhà đối với người nhiễm COVID-19.

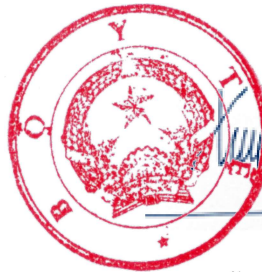
5. Quan tâm đến tình trạng sức khỏe, tâm lý và có các hình thức động viên, khen thưởng và bảo đảm các chế độ, chính sách đầy đủ, kịp thời cho nhân viên y tế và những người trực tiếp tham gia điều trị, chăm sóc người nhiễm SARS-CoV-2.

Bộ Y tế kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Đỗ Xuân Tuyên**

**Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021**

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 01/01	Số mắc ngày 02/01	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 02/01	Số tử vong tích lũy đến 01/01
<b>Có lấy nhiệm vụ phát trong 14 ngày qua:</b>		<b>14.822</b>	<b>16.914</b>	<b>2.092</b>	<b>1.757.052</b>	<b>32.575</b>
1	Hồ Chí Minh	569	384	-185	504.197	19.904
2	Bình Dương	105	145	40	290.921	3.217
3	Đồng Nai	203	139	-64	98.060	1.364
4	Tây Ninh	947	946	-1	77.002	650
5	Hà Nội	1748	2.045	297	49.631	140
6	Đồng Tháp	405	140	-265	44.726	579
7	Cần Thơ	276	293	17	41.437	611
8	Long An	51	51	0	40.462	825
9	Cà Mau	498	619	121	38.765	173
10	Tiền Giang	195	115	-80	34.030	939
11	Khánh Hòa	785	780	-5	34.570	176
12	Vĩnh Long	1223	1.280	57	34.619	362
13	An Giang	265	235	-30	32.961	987
14	Bạc Liêu	399	464	65	30.701	251
15	Sóc Trăng	180	171	-9	30.309	343
16	Kiên Giang	247	169	-78	30.282	548
17	BRVT	104	72	-32	26.496	188
18	Bình Thuận	211	22	-189	26.133	288
19	Bến Tre	161	120	-41	26.091	195
20	Bình Phước	728	782	54	23.577	64
21	Trà Vinh	563	452	-111	22.289	133
22	Bình Định	521	576	55	17.077	57
23	T.T.Huế	350	350	0	14.029	65
24	Hậu Giang	170	184	14	13.068	50
25	Bắc Ninh	368	403	35	12.234	17
26	Đắc Lắc	40	185	145	11.654	64
27	Đà Nẵng	188	202	14	11.579	79
28	Lâm Đồng	265	240	-25	9.941	24
29	Hải Phòng	116	1.804	1.688	10.714	9
30	Thanh Hóa	210	117	-93	8.360	11
31	Bắc Giang	69	90	21	8.029	14
32	Nghệ An	143	162	19	8.072	34
33	Phú Yên	283	119	-164	7.682	49
34	Hà Giang	143	148	5	7.661	6
35	Gia Lai	145	146	1	7.430	17
36	Quảng Nam	181	127	-54	6.454	16

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 01/01	Số mắc ngày 02/01	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 02/01	Số tử vong tích lũy đến 01/01
37	Quảng Ngãi	145	112	-33	6.077	24
38	Ninh Thuận	61	49	-12	5.866	51
39	Hưng Yên	245	223	-22	5.635	2
40	Đắc Nông	114	105	-9	5.230	12
41	Quảng Bình	51	55	4	3.709	7
42	Quảng Ninh	254	219	-35	3.782	1
43	Nam Định	93	93	0	3.628	1
44	Phú Thọ	55	65	10	3.203	3
45	Vĩnh Phúc	96	92	-4	3.222	6
46	Hải Dương		545	545	3.352	1
47	Thái Bình	37	69	32	2.778	
48	Hà Nam	88	85	-3	2.646	
49	Quảng Trị	47	143	96	2.305	2
50	Thái Nguyên	58	80	22	1.923	
51	Lạng Sơn	30	141	111	1.789	7
52	Hà Tĩnh	8	9	1	1.575	5
53	Hòa Bình	62	147	85	1.700	3
54	Sơn La	67	50	-17	1.429	
55	Tuyên Quang	11	24	13	1.103	
56	Kon Tum	36	54	18	1.034	
57	Ninh Bình	72	99	27	1.034	
58	Lào Cai	31	41	10	669	
59	Điện Biên	29	21	-8	639	
60	Cao Bằng	26	46	20	633	1
61	Yên Bái	18	20	2	603	
62	Lai Châu	8	11	3	126	
63	Bắc Kạn	25	39	14	119	
<b>14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:</b>						
<b>Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:</b>					<b>202</b>	<b>-</b>
	BVND TW				96	
	BV K				106	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>14.822</b>	<b>16.914</b>	<b>2.092</b>	<b>1.757.254</b>	<b>32.575</b>



**PHỤ LỤC 2**  
**PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ**  
**(Tính đến hết ngày 01/01/2022)**

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 113 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 113 đợt
1	Hà Nội	15.641.202	6.132.495	5.839.209	0	163.241	329.902	683.170	534.492	13.682.509	87,5%
2	Hải Phòng	3.510.570	1.641.420	1.411.406	0	2	920	147.805	25.028	3.226.581	91,9%
3	Thái Bình	2.615.010	1.143.094	1.095.044	88.959	61.138	44.376	148.753	116.209	2.697.573	103,2%
4	Nam Định	2.577.520	1.128.462	1.083.293	0	112	3.129	62.956	3	2.277.955	88,4%
5	Hà Nam	1.490.330	577.710	563.638	0	130.959	28.259	70.869	68.828	1.440.263	96,6%
6	Ninh Bình	1.423.950	636.194	622.073	0	0	6.938	82.166	76.878	1.424.249	100,0%
7	Thanh Hoá	6.099.300	2.308.654	2.092.309	168.432	0	0	244.562	49.079	4.863.036	79,7%
8	Bắc Giang	3.086.140	1.271.301	1.128.216	0	40.310	114.061	142.494	71.943	2.768.325	89,7%
9	Bắc Ninh	2.521.660	1.110.402	1.051.730	0	7.747	141.782	114.852	105.980	2.532.493	100,4%
10	Phú Thọ	2.019.230	964.132	862.588	0	7.011	3.613	124.342	66.675	2.028.361	100,5%
11	Vĩnh Phúc	1.952.830	784.254	693.192	0	0	0	56.306	267	1.534.019	78,6%
12	Hải Dương	2.994.560	1.222.531	1.011.856	0	0	53.986	99.498	262	2.388.133	79,7%
13	Hưng Yên	1.978.902	816.046	777.066	0	0	3.316	105.348	102.267	1.804.043	91,2%
14	Thái Nguyên	2.118.320	896.680	788.907	12.792	37.075	63.538	104.691	576	1.904.259	89,9%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 113 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 113 đợt
15	Bắc Cạn	514.070	205.611	178.459	0	0	0	19.795	2.021	405.886	79,0%
16	Quảng Ninh	2.725.718	972.181	917.070	0	0	32.139	119.421	110.336	2.151.147	78,9%
17	Hoà Bình	1.312.240	526.417	494.124	0	0	0	74.836	65.172	1.160.549	88,4%
18	Nghệ An	5.034.440	1.926.769	1.814.419	421.763	21.240	161.467	281.138	111.544	4.738.340	94,1%
19	Hà Tĩnh	2.006.830	794.099	688.571	0	78.936	66.266	111.542	29.943	1.769.357	88,2%
20	Lai Châu	672.970	251.842	237.728	0	14.703	33.510	50.621	44.715	633.119	94,1%
21	Lạng Sơn	1.312.540	492.777	477.616	0	0	48.461	66.230	61.784	1.146.868	87,4%
22	Tuyên Quang	1.283.540	551.784	458.216	0	0	25.307	1.870	37.738	1.074.915	83,7%
23	Hà Giang	1.338.650	472.000	421.451	0	835	20.616	80.743	47.080	1.042.725	77,9%
24	Cao Bằng	767.340	330.594	287.209	0	3.125	22.688	43.402	36.470	723.488	94,3%
25	Yên Bái	1.273.780	497.336	477.741	0	0	14.046	76.438	60.367	1.125.928	88,4%
26	Lào Cai	1.228.920	498.019	416.135	0	21.184	40.614	32.705	67.777	1.076.434	87,6%
27	Sơn La	1.562.870	762.381	588.743	532	0	18.893	86.689	32.004	1.489.242	95,3%
28	Điện Biên	849.720	329.248	294.862	0	28.281	48.274	62.029	49.871	812.565	95,6%
<b>Cộng miền Bắc</b>		<b>71.913.152</b>	<b>29.244.433</b>	<b>26.772.871</b>	<b>692.478</b>	<b>615.899</b>	<b>1.326.101</b>	<b>3.295.271</b>	<b>1.975.309</b>	<b>63.922.362</b>	<b>88,9%</b>

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 113 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 113 đợt
29	Quảng Bình	1.210.710	524.996	498.720	0	0	0	64.530	21.833	1.110.079	91,7%
30	Quảng Trị	1.066.272	424.989	400.874	8.431	3.894	7.032	40.742	19.083	905.045	84,9%
31	TT- Huế	1.948.436	780.524	719.800	0	42.528	11.826	101.704	87.740	1.744.122	89,5%
32	Tp. Đà Nẵng	2.027.212	858.842	806.170	0	530	1.926	100.536	98.437	1.866.441	92,1%
33	Quảng Nam	2.625.380	1.030.481	977.804	28.204	0	624	109.228	327	2.146.668	81,8%
34	Quảng Ngãi	2.011.734	823.356	738.161	0	0	0	70.916	519	1.632.952	81,2%
35	Bình Định	2.542.300	1.030.328	909.201	35.896	2	8.801	97.154	10	2.081.392	81,9%
36	Phú Yên	1.491.394	614.913	561.985	0	0	132	82.257	27.330	1.286.617	86,3%
37	Khánh Hòa	2.459.390	956.501	910.468	0	28.670	34.620	114.302	108.907	2.153.468	87,6%
38	Ninh Thuận	1.147.590	427.822	388.525	0	30.653	34.693	58.771	50.958	991.422	86,4%
39	Bình Thuận	2.302.440	909.769	786.658	0	0	4.872	53.476	35.028	1.789.803	77,7%
<b>Cộng miền Trung</b>		<b>20.832.858</b>	<b>8.382.521</b>	<b>7.698.366</b>	<b>72.531</b>	<b>106.277</b>	<b>104.526</b>	<b>893.616</b>	<b>450.172</b>	<b>17.708.009</b>	<b>85,0%</b>
40	Kon Tum	884.830	319.619	281.133	1.556	0	0	49.454	19.792	671.554	75,9%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 113 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 113 đợt
41	Gia Lai	2.407.212	958.139	800.459	51.583	0	1.028	154.189	63.945	2.029.343	84,3%
42	Đắk Lắk	3.045.840	1.224.397	1.069.476	0	0	0	189.547	3.492	2.486.912	81,6%
43	Đắk Nông	1.060.820	399.840	387.578	0	0	0	67.401	51.453	906.272	85,4%
<b>Cộng Tây Nguyên</b>		<b>7.398.702</b>	<b>2.901.995</b>	<b>2.538.646</b>	<b>53.139</b>	<b>0</b>	<b>1.028</b>	<b>460.591</b>	<b>138.682</b>	<b>6.094.081</b>	<b>82,4%</b>
44	TP. HCM	18.832.190	7.401.339	6.555.478	0	283.673	953.437	675.804	619.983	16.489.714	87,6%
45	BR-VT	2.367.180	960.025	859.378	0	0	172	108.416	47.853	1.975.844	83,5%
46	Đồng Nai	5.870.900	2.711.218	2.311.594	0	0	18.571	176.220	126.759	5.344.362	91,0%
47	Tiền Giang	3.469.060	1.308.172	1.254.675	137.323	23.727	116.138	155.565	145.353	3.140.953	90,5%
48	Long An	3.797.840	1.490.465	1.431.614	0	2.413	14.262	166.493	142.682	3.247.929	85,5%
49	Lâm Đồng	2.512.794	967.167	928.027	0	17.895	42.689	132.410	104.408	2.192.596	87,3%
50	Tây Ninh	2.432.350	867.259	808.731	10.161	9.747	103.236	88.025	84.312	1.971.471	81,1%
51	Cần Thơ	2.472.938	919.659	1.089.104	5.825	61.756	36.687	105.400	49.006	2.267.437	91,7%
52	Sóc Trăng	2.487.850	887.380	774.990	0	0	0	109.271	78.429	1.850.070	74,4%
53	An Giang	3.708.572	1.351.199	1.329.068	180.630	118.622	57.169	195.766	168.288	3.400.742	91,7%
54	Bến Tre	2.501.940	992.196	950.215	0	123.483	107.769	106.416	97.310	2.377.389	95,0%
55	Trà Vinh	1.800.180	787.383	576.883	0	1.154	19.750	85.371	78.647	1.549.188	86,1%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 113 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 113 đợt
56	Vĩnh Long	2.065.900	767.700	737.845	0	32.115	54.256	91.093	86.263	1.769.272	85,6%
57	Đồng Tháp	3.325.040	1.237.814	1.177.801	148	202.681	59.989	142.544	103.016	2.923.993	87,9%
58	Bình Dương	5.705.070	2.379.843	1.878.323	0	0	31.352	175.857	131.977	4.597.352	80,6%
59	Bình Phước	1.950.140	751.002	722.476	0	0	0	108.827	92.652	1.674.957	85,9%
60	Kiên Giang	3.406.770	1.231.579	1.119.571	53.985	0	12.489	141.009	135.305	2.693.938	79,1%
61	Cà Mau	2.089.840	759.971	827.655	0	0	0	113.123	111.736	1.812.485	86,7%
62	Bạc Liêu	1.674.100	564.886	549.424	0	89.918	58.647	88.086	84.049	1.435.010	85,7%
63	Hậu Giang	1.417.010	529.829	496.142	0	0	0	74.042	68.697	1.168.710	82,5%
<b>Cộng miền Nam</b>		<b>73.887.664</b>	<b>28.866.086</b>	<b>26.378.994</b>	<b>388.072</b>	<b>967.184</b>	<b>1.686.613</b>	<b>3.039.738</b>	<b>2.556.725</b>	<b>63.883.412</b>	<b>86,5%</b>

**Ghi chú:**

- 8,3 triệu liều vắc xin đợt 111-112 mới có Quyết định phân bổ ngày 27/12/2021; 1.761.640 liều AstraZeneca có Quyết định phân bổ ngày 30/12/2021, các địa phương, đơn vị đang tiếp nhận vắc xin => tỷ lệ sử dụng vắc xin/số vắc xin phân bổ của một số tỉnh, thành phố được phân bổ nhiều vắc xin các đợt này thấp.

- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1/mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.

- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 58.730 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát và Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam...), số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.
- Bộ Quốc phòng được cấp 1.336.330 liều, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.107.111 liều, trong đó có 574.569 mũi 1, 518.259 mũi 2 và 14.283 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh. (Tổng số liều tiêm cho lực lượng Quốc phòng khoảng 1,14 triệu liều)
- Bộ Công an được cấp 1.132.680 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 103.600 liều, trong đó có 57.716 mũi 1, 37.735 mũi 2 và 8.149 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh. (Tổng số liều tiêm cho lực lượng Công an khoảng 791.000 liều)

**PHỤ LỤC 3**  
**TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ**  
(Tính đến hết ngày 01/01/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	6.200.000	778.075	98,9%	94,2%	5,3%	87,8%	68,7%
2	Hải Phòng	1.580.000	184.643	100,0%	89,3%	0,1%	80,0%	13,6%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	91,8%	88,0%	3,6%	99,2%	77,5%
4	Nam Định	1.272.614	122.612	88,7%	85,1%	0,2%	51,3%	0,0%
5	Hà Nam	612.219	66.512	94,4%	92,1%	4,6%	100,0%	100,0%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	95,6%	93,4%	1,0%	100,0%	94,0%
7	Thanh Hoá	2.393.004	291.638	96,5%	87,4%	0,0%	83,9%	16,8%
8	Bắc Giang	1.267.538	145.967	100,0%	89,0%	9,0%	97,6%	49,3%



TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 12-17 tuổi
9	Bắc Ninh	1.146.204	128.062	96,9%	100,0%	12,4%	89,7%	82,8%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	95,4%	85,4%	0,4%	96,6%	51,8%
11	Vĩnh Phúc	810.197	126.825	96,8%	85,6%	0,0%	44,4%	0,2%
12	Hải Dương	1.311.799	166.013	93,2%	77,1%	4,1%	59,9%	0,2%
13	Hưng Yên	935.528	112.803	87,2%	83,1%	0,4%	93,4%	90,7%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	97,7%	85,9%	6,9%	97,0%	0,5%
15	Bắc Cạn	222.390	26.584	92,5%	80,2%	0,0%	74,5%	7,6%
16	Quảng Ninh	1.013.446	118.979	95,9%	90,5%	3,2%	100,0%	92,7%
17	Hoà Bình	570.146	80.462	92,3%	86,7%	0,0%	93,0%	81,0%
18	Nghệ An	1.960.668	316.527	98,3%	92,5%	8,2%	88,8%	35,2%
19	Hà Tĩnh	892.702	122.133	89,0%	77,1%	7,4%	91,3%	24,5%
20	Lai Châu	282.600	58.294	89,1%	84,1%	11,9%	86,8%	76,7%
21	Lạng Sơn	506.403	72.812	97,3%	94,3%	9,6%	91,0%	84,9%
22	Tuyên Quang	535.735	71.916	100,0%	85,5%	4,7%	2,6%	52,5%
23	Hà Giang	503.846	105.690	93,7%	83,6%	4,1%	76,4%	44,5%
24	Cao Bằng	368.973	46.352	89,6%	77,8%	6,1%	93,6%	78,7%
25	Yên Bái	510.271	79.369	97,5%	93,6%	2,8%	96,3%	76,1%
26	Lào Cai	445.152	87.148	100,0%	93,5%	9,1%	37,5%	77,8%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 12-17 tuổi
27	Son La	792.702	149.636	96,2%	74,3%	2,4%	57,9%	21,4%
28	Điện Biên	336.229	74.955	97,9%	87,7%	14,4%	82,8%	66,5%
<b>Cộng miền Bắc</b>		<b>30.309.662</b>	<b>4.002.462</b>	<b>96,5%</b>	<b>88,3%</b>	<b>4,4%</b>	<b>82,3%</b>	<b>49,4%</b>
29	Quảng Bình	611.974	84.194	85,8%	81,5%	0,0%	76,6%	25,9%
30	Quảng Trị	463.442	69.712	91,7%	86,5%	1,5%	58,4%	27,4%
31	TT- Huế	779.911	93.101	100,1%	92,3%	1,5%	100,0%	94,2%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	100.000	97,0%	91,1%	0,2%	100,5%	98,4%
33	Quảng Nam	1.095.712	127.769	94,0%	89,2%	0,1%	85,5%	0,3%
34	Quảng Ngãi	883.502	134.241	93,2%	83,5%	0,0%	52,8%	0,4%
35	Bình Định	1.110.818	153.866	92,8%	81,8%	0,8%	63,1%	0,0%
36	Phú Yên	616.333	86.632	99,8%	91,2%	0,0%	94,9%	31,5%
37	Khánh Hòa	901.731	113.994	100,0%	100,0%	3,8%	100,3%	95,5%
38	Ninh Thuận	428.346	62.771	99,9%	90,7%	8,1%	93,6%	81,2%
39	Bình Thuận	902.470	135.851	100,0%	87,2%	0,5%	39,4%	25,8%
<b>Cộng miền Trung</b>		<b>8.679.309</b>	<b>1.162.131</b>	<b>96,6%</b>	<b>88,7%</b>	<b>1,2%</b>	<b>76,9%</b>	<b>38,7%</b>
40	Kon Tum	338.741	65.900	94,4%	83,0%	0,0%	75,0%	30,0%
41	Gia Lai	950.154	165.730	100,8%	84,2%	0,1%	93,0%	38,6%
42	Đắk Lắk	1.263.947	198.799	96,9%	84,6%	0,0%	95,3%	1,8%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 12-17 tuổi
43	Đắk Nông	404.872	68.900	98,8%	95,7%	0,0%	97,8%	74,7%
<b>Cộng Tây Nguyên</b>		<b>2.957.714</b>	<b>499.329</b>	<b>98,1%</b>	<b>85,8%</b>	<b>0,0%</b>	<b>92,2%</b>	<b>27,8%</b>
44	TP. HCM	7.208.800	742.368	100,0%	90,9%	13,2%	91,0%	83,5%
45	BR-VT	891.244	117.755	100,0%	96,4%	0,0%	92,1%	40,6%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	92,8%	0,7%	60,3%	43,4%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.825	100,0%	96,5%	8,9%	100,0%	91,5%
48	Long An	1.361.733	167.662	100,0%	100,0%	1,0%	99,3%	85,1%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	100,0%	4,4%	100,5%	79,2%
50	Tây Ninh	977.624	88.220	88,7%	82,7%	10,6%	99,8%	95,6%
51	Cần Thơ	941.769	100.509	97,7%	100,0%	3,9%	100,0%	48,8%
52	Sóc Trăng	861.361	110.630	100,0%	90,0%	0,0%	98,8%	70,9%
53	An Giang	1.371.622	198.826	98,5%	96,9%	4,2%	100,0%	84,6%
54	Bến Tre	980.652	104.446	100,0%	96,9%	11,0%	100,0%	93,2%
55	Trà Vinh	734.794	87.422	100,0%	78,5%	2,7%	97,7%	90,0%
56	Vĩnh Long	769.026	87.313	99,8%	95,9%	7,1%	100,0%	98,8%
57	Đồng Tháp	1.181.264	155.495	100,0%	99,7%	5,1%	91,7%	66,3%
58	Bình Dương	2.381.252	150.950	99,9%	78,9%	1,3%	100,0%	87,4%
59	Bình Phước	758.594	131.058	99,0%	95,2%	0,0%	83,0%	70,7%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 12-17 tuổi
60	Kiên Giang	1.248.338	189.132	98,7%	89,7%	1,0%	74,6%	71,5%
61	Cà Mau	857.571	142.451	88,6%	96,5%	0,0%	79,4%	78,4%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	98,7%	96,0%	10,2%	97,0%	92,5%
63	Hậu Giang	536.163	70.423	98,8%	92,5%	0,0%	100,0%	97,5%
<b>Cộng miền Nam</b>		<b>28.397.104</b>	<b>3.318.139</b>	<b>100,0%</b>	<b>92,9%</b>	<b>5,9%</b>	<b>91,6%</b>	<b>77,1%</b>

**PHỤ LỤC 4**  
**Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19**  
**của một số Bộ, ngành**

**I. Bộ Quốc phòng**

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 3/12/2021 đến 16h00 ngày 01/01/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 3.214 lượt người (nhập cảnh: 1.414, xuất cảnh: 1.800).
- + Tuyến VN-TQ: 971 lượt người (nhập cảnh: 303, xuất cảnh: 668).
- + Tuyến VN-Lào: 1.813 lượt người (nhập cảnh 887, xuất cảnh: 926).
- + Tuyến VN-CPC: 430 lượt người (nhập cảnh 224; xuất cảnh: 206).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 280 người trong đó:
  - + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 88 người (VN-TQ: 06, VN-Lào: 37, VN-CPC: 45).
  - + Số người nhập cảnh trái phép: 77 người (VN-TQ: 22; VN-Lào: 0, VN-CPC: 55).
  - + Số người trao trả: 115 người (VN-TQ: 115; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

**II. Bộ Công an**

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 26/12/2021 tới ngày 27/12/2021:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 1.048 lượt người (nhập cảnh: 727 lượt người; xuất cảnh: 321 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 1.796 lượt người (nhập cảnh: 1.055 lượt người; xuất cảnh: 741 lượt người).

**III. Thông tấn xã Việt Nam**

Ngày 02/01, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 22 tin/bài tiếng Việt; 82 ảnh trong nước và quốc tế; 12 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm Thông tin tư liệu và Đồ họa thực hiện nhiều đồ họa cập nhật diễn biến dịch bệnh COVID-19...

Các đơn vị thông tin và Cơ quan thường trú tại các địa phương của TTXVN cập nhật chỉ đạo của lãnh đạo Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống dịch COVID-19 về công tác phòng, chống dịch; vaccine phòng bệnh cho toàn dân, nhất là trong dịp nghỉ Tết dương lịch 2022; cập nhật thông tin về tình hình dịch bệnh; về các quy định nới lỏng giãn cách, khôi phục kinh tế, nhất là nối lại giao thông liên tỉnh; tiếp tục khuyến cáo người dân không được chủ quan, lơ là trong công tác phòng, chống dịch; cần thực hiện tốt hướng dẫn của ngành Y tế để phòng chống dịch bệnh COVID-19... Về thông tin quốc tế, các Cơ quan thường trú ngoài nước phối hợp với các đơn vị của TTXVN thông tin cập nhật tình hình dịch bệnh COVID-19...

#### IV. Bộ Thông tin và Truyền thông

##### 1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại TP. Hồ Chí Minh; Bình Dương và Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Tính đến hết 30/12, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 9.756.000 cuộc gọi (ngày 30/12 đã tiếp nhận và xử lý gần 17 nghìn cuộc gọi).

20/12	21/12	22/12	23/12	24/12	25/12	26/12	27/12	28/12	29/12	30/12
12718	12515	15779	13.999	13231	11819	11729	15339	14768	16219	16861

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5 – 30/12 đã tiếp nhận hơn 308 nghìn cuộc (*ngày 30/12 đã tiếp nhận 121 cuộc*). Thực hiện cuộc gọi ra: từ 18/5 –30/12 đã thực hiện hơn 7,43 triệu cuộc gọi ra (*từ 02/11- 30/12 không thực hiện gọi ra*).

Tiêu chí	21/12	22/12	23/12	24/12	25/12	26/12	27/12	28/12	29/12	30/12
Cuộc gọi đến	164	161	132	154	110	115	107	102	122	121

##### 2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

###### 2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC- Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 32.767.124 (+ 94 ngàn so với 30/12, tăng 17.134 ngàn so với 28/4 – bắt đầu đợt dịch thứ 4), chiếm 34,16% dân số, 49,14% số điện thoại thông minh.

###### 2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.621.093 điểm đăng ký

+ 232.178 điểm ghi nhận hoạt động

###### 2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 150.935.914

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 144.617.266

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 95,81%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 31.348.181

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

2.4 Triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến

Trung tâm công nghệ phòng chống Covid-19 Quốc gia đã phối hợp cùng triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến tại một số địa phương: Tây Ninh; Bình Dương; Bắc Giang; Đồng Nai; Đồng Tháp; Cần Thơ; Vĩnh Long; Bà Rịa – Vũng Tàu... và 26 địa phương khác cũng đang trong quá trình tập huấn để chuẩn bị triển khai. Một số địa phương triển khai dữ liệu



xét nghiệm tốt và có hiệu quả, điển hình là tỉnh Tây Ninh. Trên 90% dữ liệu kết quả xét nghiệm của Tây Ninh được số hoá trên Nền tảng, sẵn sàng chia sẻ và sử dụng.

- Tổng số mẫu nhập vào nền tảng hỗ trợ lấy mẫu là 12.827.329 (tăng 76.953 người)

- Tổng số mẫu các địa phương nhập vào nền tảng cụ thể: 76.953 người

Hà Nội 8.766  
 Bắc Giang 38.749  
 Đồng Nai 5.699  
 Thừa Thiên Huế 9.537  
 Quảng Bình 6.232  
 Yên Bái 3.340  
 Thái Nguyên 745  
 Đồng Tháp 646  
 An Giang 686  
 Bắc Ninh 451  
 Bình Dương 826  
 Sóc Trăng 437  
 Khánh Hòa 128  
 Bình Phước 579  
 Vĩnh Phúc 102  
 Tây Ninh 10  
 Bình Định 6  
 Lào Cai 5  
 Quảng Ninh 5  
 Đắk Nông 4

- Tổng số kết quả xét nghiệm trả qua Bluezone/PCCovid của các tỉnh 4.795.038 (tăng 34.894 người)

Quảng Ninh 929  
 Hải Dương 362  
 Bình Thuận 77  
 Bãi Cháy 173  
 TP HCM 3.250  
 Bệnh viện đa khoa Quảng Ninh 253  
 Bình Định 9  
 Yên Bái 1.708  
 Lào Cai 20  
 Thái Nguyên 413  
 Bệnh viện 74 Trưng vương 1  
 An Giang 370  
 Bắc Giang 17.164  
 Bắc Ninh 1.389  
 Bình Dương 761  
 Đồng Nai 1609  
 Đồng Tháp 139  
 Hà Nội 1.091  
 Khánh Hòa 344  
 Quảng Bình 538

Sóc Trăng 191  
Thừa Thiên Huế 927  
Tiền Giang 7  
Vĩnh Phúc 21  
Phòng khám đa khoa An Phúc - Trà Vinh 82  
Bệnh viện quốc tế Hoàn Mỹ 19  
Bệnh viện sản nhi TWG Long An 98  
Phòng khám đa khoa Bắc Hà - Bắc Ninh 25  
SOVICO 1.779  
Bệnh viện Hồng Ngọc 1.145

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.
- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...